

Số: 215/BVSN-VTTBYT
V/v: Đề nghị báo giá: Mua sắm
Vật tư y tế tiêu hao

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 02 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Bắc Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán: Mua sắm Vật tư y tế tiêu hao với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh, đường Huyền Quang, phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Bắc Ninh, số điện thoại: 0222.3895.969, email: phongvt.bvsnbn@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, tầng 7, Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh, đường Huyền Quang, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Nhận qua email: phongvt.bvsnbn@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ ngày phát hành công văn đến trước 16h30 ngày 28 tháng 2 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa (*Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm*).
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Kho Vật tư, tầng 8, Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: Không tạm ứng

- Thanh toán hợp đồng: Bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên bán tại ngân hàng.

+ Điều kiện thanh toán và thời hạn thanh toán: Bên mua thanh toán cho bên bán theo từng tiến độ giao hàng. Thời hạn thanh toán là không quá 90 ngày kể từ ngày hàng hóa được giao. Hồ sơ thanh toán cho mỗi lần giao hàng gồm:

+ Biên bản nghiệm thu và bàn giao.

+ Hoá đơn tài chính (theo quy định của nhà nước).

+ Mẫu số 08a bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành.

+ Các tài liệu khác theo quy định hiện hành.

+ Đồng tiền thanh toán theo Hợp đồng: là đồng Việt Nam.

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng không giới hạn số lần thanh toán. Số lần thanh toán theo số lần gọi hàng của bên mua, mỗi lần giao hàng bên bán phải xuất hóa đơn tài chính cho bên mua và kèm theo các thủ tục hồ sơ thanh toán như trên.

5. Các thông tin khác (nếu có):

Đề nghị các nhà cung cấp tại Việt Nam báo giá theo Mẫu báo giá tại Phụ lục 02 đính kèm.

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Bắc Ninh xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Ban Giám đốc Bệnh viện;
- Lưu VT, VTTBYT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoài Nam

Phụ lục 01
DANH MỤC ĐỀ NGHỊ LẤY BẢO GIÁ
(Kèm theo công văn: 215/BVSN-VTTBYT ngày 18 tháng 02 năm 2025)

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng cuộn 10cm x 5m	Kích thước: $\geq 10\text{cm} \times 5\text{m}$ ($\pm 5\%$) Băng cuộn màu trắng, cuộn chắc, có giấy bao ngoài kín. Độ lệch sợi ≤ 5 sợi mỗi bên (trừ 2-3cm cuối cuộn). Thời gian chìm trong nước $\leq 10\text{s}$. Mất khối lượng do làm khô $\leq 8,5\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	1.280
2	Băng dính vải	Vải lụa Taffeta trắng, làm bằng sợi cellulose acetate . - Keo hỗn hợp nóng chảy: Zinc oxide, Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP. kích thước $\geq 5\text{cm} \times 5\text{m}$.	Cuộn	11.300
3	Bao cao su	Làm từ cao su thiên nhiên, được bôi trơn bằng dung dịch silicone có độ nhớt từ 200 đến 350CS. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chiếc	23.700
4	Bơm cho ăn 20ml	Dung tích 20ml. Có vạch chia độ rõ nét, đều. Xy lanh trong suốt, nhìn thấy được dung dịch bên trong. Vô trùng, không độc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	7.010
5	Bơm cho ăn 50ml	Dung tích 50ml. Có vạch chia độ rõ nét, đều. Xy lanh trong suốt, nhìn thấy được dung dịch bên trong. Đốc to lắp vừa dây cho ăn Vô trùng, không độc Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chiếc	5.632
6	Chlorine	Thành phần: Trichloroisocyanuric acid $\geq 90\%$.	Kg	350

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		Độ PH 2.7-3.2. Dạng viên, khối lượng 200g ±10%/viên		
7	Cồn 90 độ - 96 độ	Nồng độ Ethanol khoảng từ 90-96%, trong suốt không màu.	Lít	200
8	Đầu col xanh	Chất liệu nhựa PP, dung tích 1000µl.	Cái	1.500
9	Dầu Parafil	Thành phần Parafin lỏng vô khuẩn, không màu, trong suốt, không mùi, không vị	Lít	86
10	Dây cho ăn các cỡ	Ống thông và đầu nối được làm từ nhựa PVC y tế, mềm dẻo, màu trắng tự nhiên. Đã tiệt trùng. Đường kính ống: tối thiểu các cỡ 6Fr, 8Fr, 10Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr. Chiều dài ống 6Fr, 8Fr: ≥ 50cm Chiều dài ống từ 10Fr đến 18Fr: ≥ 120cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	11.414
11	Dây dẫn lưu ổ bụng các cỡ	Chất liệu nhựa PVC y tế, ống dây mềm dẻo. Đường kính trong ống: tối thiểu các cỡ 5mm, 7mm hoặc theo yêu cầu. Đường kính ngoài ống: tối thiểu các cỡ 7mm, 10mm hoặc theo yêu cầu. Chiều dài ống tối thiểu ≥ 396mm. Sản phẩm đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	20
12	Dây hút dịch đờm các số	Được làm từ nhựa PVC mềm không độc hại, không chứa DEHP. Có sẵn các đầu nối: chữ T, chữ Y, hình nón, loại trơn. Mã hóa màu theo kích thước. Kích thước: Chiều dài ống tiêu chuẩn: Khoảng 50cm ; Fr5 - Fr24. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	8.550
13	Dây hút nhớt các số	Vật liệu PVC y tế, đã tiệt trùng. Các cỡ từ 6 FR đến 16 FR, được mã hóa theo màu, chiều dài ống	Cái	80.850

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		500mm ($\pm 10\%$). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		
14	Dây nhựa trong F8	Đường kính trong khoảng 8mm ($\pm 5\%$), đường kính ngoài của dây khoảng 1cm ($\pm 5\%$) dây chịu áp lực cao.	Mét	19.100
15	Dây thông tiểu	Dây thông tiểu dùng cho bệnh nhân, chất liệu cao su. Kích thước: 6-24Fr Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.950
16	Que đẽ lưỡi gỗ	Chất liệu bằng gỗ tự nhiên, vô trùng. Kích thước: 150x20x2mm ($\pm 5\%$). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chiếc	86.400
17	Formol	Dung dịch pha sẵn sử dụng ngay, sử dụng trong y tế.	ml	54.000
18	Gel điện tim	Gel trong, không mùi, không gây độc hại, không gây kích ứng da, không có formaldehyde và muối Dùng trong điện tim. Quy cách: Tuýp ≥ 250 ml	Tuýp	85
19	Gel siêu âm	Gel trong, không mùi, không gây độc hại, không gây kích ứng da, không có formaldehyde và muối. Dùng trong siêu âm	Lít	513
20	Giấy điện tim 6 cần	Giấy in nhiệt, dùng cho máy điện tim 6 cần. Đóng gói dạng tập. Kích thước; 110mm x 140mm x 143 tờ ($\pm 5\%$).	Tờ	15.500
21	Giấy in đen trắng của máy siêu âm	- Kích thước: 110mm x 20m ($\pm 5\%$) - Số lượng bản in: ≥ 215 bản in.	Cuộn	200
22	Giấy in dùng cho monitor sản khoa Toitu	Giấy in nhiệt có kích thước 152mm x 150mm ($\pm 5\%$). Có lỗ và không lỗ.	Tờ	128.000
23	Giấy in dùng cho monitor sản khoa Philips	Phù hợp với máy monitor sản khoa Philips Thông số: 152mm x 100mm ($\pm 5\%$)	Tờ	24.500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
24	Hóa chất giặt chính	Thành phần chính: Linear Alkylbenzene Sulfonic: 6-8 % w/w ($\pm 5\%$); Sodium Laureth Sulfate: 4-6 %w/w ($\pm 5\%$); chất thơm; chất bảo quản. Công dụng: loại bỏ chất bẩn từ đồ vải, dùng cho cả vải trắng và vải màu.	Lít	440
25	Hóa chất kiềm	Thành phần: Sodium hydroxide: 10-12 % w/w ($\pm 5\%$). Công thức có thêm chất phụ gia để tẩy cặn poly-meric. Tẩy các chất bẩn có gốc đạm và các vết máu. Tạo ra độ kiềm nâng cao pH trong bước giặt, hỗ trợ làm nền cho chất giặt chính và chất tẩy trắng.	Lít	560
26	Hóa chất tẩy trắng gốc Clorin	Thành phần chính NaClO 9-11% w/w ($\pm 5\%$). Mô tả sản phẩm: Được dùng để tẩy trắng cho đồ vải màu trắng; tẩy được các vết máu, trà, café... Phù hợp cho các loại vải cotton, lanh, polyester và vải acrylic.	Lít	4.320
27	Hóa chất tẩy trắng gốc oxy	Thành phần chính H ₂ O ₂ ≥ 50 (%w/w). Mô tả sản phẩm: dùng được cho vải trắng và vải màu, giúp loại bỏ các vết bẩn khó giặt như vết máu, vết ố trà, café... Phù hợp cho vải bông, lanh, polyester và acrylic.	Lít	300
28	Hóa chất trung hòa	Thành phần chính Citric acid: ≥ 25 % w/w. Mô tả sản phẩm: trung hòa lượng kiềm còn lại ở cuối mỗi chu trình giặt đảm bảo độ pH là 6 – 7 và hòa tan các vết rỉ sắt trên đồ vải, ngăn chặn vết ố vàng trên đồ vải sau khi giặt. Có thể sử dụng cho đồ vải trắng và vải màu.	Lít	240

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
29	Kẹp rốn sơ sinh	- Kích thước: 55mm x 60mm ($\pm 5\%$). Nhựa PP nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, độ trơn láng cao, không chứa DEHP, không gây độc, không gây kích ứng. Gồm 2 phần nối với nhau bằng các khớp răng, màu trắng trong hoặc đục. Các mấu răng của 2 hàm khớp kín vào nhau và hai hàm song song. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	10.750
30	Kim chọc dò và gây tê tủy sống các số	- Kim gây tê tủy sống đầu Quincke sắc bén giúp giảm lực đâm. - Thiết kế chuỗi kim lăng kính phản quang giúp dễ nhận biết dịch não tủy chảy ra. - Có màu phân biệt các cỡ - Kích cỡ: 20G - 27G, chiều dài 88mm.	Cái	5.170
31	Lam kính thường	Làm từ thủy tinh natri cacbonat, trong suốt. Kích thước khoảng 25,4 x 76,2mm ($\pm 5\%$) Độ dày 1,0 - 1,2 mm ($\pm 5\%$)	Cái	14.400
32	Lọ lấy mẫu bệnh phẩm	Được làm từ nhựa PS trắng trong (nhựa trung tính, tinh khiết 100%). Có nắp, có nhãn trên thân. Thể tích ≥ 50 ml	Cái	800
33	Lưỡi dao mổ các số	Làm bằng thép cacbon, đóng gói riêng biệt vào túi nhôm mỏng. Đã được tiệt trùng Có các số 10-21	Cái	7.110
34	Mask thở oxy các cỡ	Chất liệu bằng nhựa PVC. Có mặt nạ các cỡ XL, L, M, S. Ống thở dài ≥ 2 m. Có dây đeo đàn hồi, có kẹp mũi điều chỉnh được.	Cái	2.105
35	Điện cực tim	Kích thước: ≥ 50 mm. Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel AQUA-TAC truyền tín hiệu tốt	Miếng	28.340

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		và còn là chất kết dính, lúc thay điện cực không để lại vết bầm trên da bệnh nhân.		
36	Gel KY	Dạng gel, trong suốt, hòa tan trong nước, không nhờn, không gây kích ứng, được tiệt trùng bằng nhiệt.	g	3.000
37	Ống đặt nội khí quản có bóng chèn các số	Được sản xuất từ nhựa PVC không độc, trong suốt, mềm mại và trơn phẳng. Có bóng. Bóng thể tích cao tạo ra độ kín của màng nội khí quản tốt. Được thiết kế để sử dụng trong quá trình thông hơi ngắn và dài và quy trình phẫu thuật thường lệ. Có sẵn mắt giấu khuất, chỉ đóng gói trong túi phòng rộp riêng. Đã tiệt trùng. Có các cỡ 3-10	Chiếc	2.310
38	Ống đặt nội khí quản không bóng chèn các số	Được sản xuất từ nhựa PVC không độc, trong suốt, mềm mại và trơn phẳng. Không có bóng. Đường ống cản quang suốt chiều dài chụp hình x-quang. Đóng gói trong túi phòng rộp riêng. Có các cỡ 2.5-10	Chiếc	1.890
39	Sonde 2 chạc chuyên dùng để thực hiện kỹ thuật siêu âm bơm nước buồng tử cung	Sản phẩm làm từ nhựa PVC, bóng cao su, được đựng trong túi nilon kín và vô trùng. Thể tích ống dẫn tương ứng 1ml.	Cái	100
40	Sonde Foley (2 Chạc) các số	Được làm từ latex tự nhiên phủ silicone có 2 nhánh. Có van nhựa hoặc van cao su, có mã hóa màu để nhận biết các cỡ. Các cỡ: Fr12-Fr26. Chiều dài \geq 400mm, dung tích bóng 5cc/10cc/30cc. Đóng túi riêng biệt.	Cái	6.330
41	Túi Camera	Dùng cho phẫu thuật, đã tiệt trùng. Kích thước 18 x 230 cm (\pm 5%) Có dây buộc.	Cái	1.210

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
42	Túi nước tiểu	Dung tích $\geq 2000\text{ml}$ Công xả ở đáy túi, ống dẫn vào dài 90cm ($\pm 5\%$), van chữ T chống trào ngược. Đã tiệt trùng	Cái	5.895
43	Vòi hút dịch nhựa	Làm bằng PVC không độc hại Loại: Đầu trơn / Đầu chỏm, Có Không có lỗ thông hơi	Chiếc	400
44	Dây thở oxy gọng kính 2 nhánh Trẻ em, Người lớn	Được làm từ nhựa PVC y tế. Chiều dài dây $\geq 2\text{m}$, các cỡ S-M-L-XL. Đóng gói túi riêng.	Cái	1.000
45	Filter lọc khuẩn và lọc ảm	Chất liệu filter: Polypropylene Chất liệu vỏ: K-resin/ABS Tidal Volume: 150-1500ml Hiệu quả lọc khuẩn (%): $\geq 99,9999\%$ Hiệu quả lọc virus (%): $\geq 99,9999\%$ Khối lượng (g): $\geq 23\text{g}$ Khoảng chết: $\leq 25\text{ml}$	Cái	1.300
46	Hộp an toàn đựng bơm và kim tiêm đã sử dụng	Được làm từ carton 4 lớp: hai mặt cán bóng màng PE. Có lỗ để thả bơm tiêm, đường kính $36 \pm 1\text{mm}$ trên nắp hộp. Kích thước ngoài của hộp: a. Trước khi lắp ráp: $557 \times 273 \times 3,75 \text{ mm}$ ($\pm 5\%$). b. Sau khi lắp ráp: $277 \times 160 \times 125 \text{ mm}$ ($\pm 5\%$)	Cái	2.250
47	Bột bó 10cm x 4,6m	Kích thước chiều rộng khoảng 10cm ($\pm 5\%$), chiều dài khoảng 460cm ($\pm 5\%$). Được làm từ bột thạch cao. Gạc 100% cotton. Thời gian đông kết khoảng từ 2-4 phút, tạo ra khung định hình nhẹ và chắc chắn.	Cuộn	1.700
48	Mặt nạ oxy khí dung các loại, các cỡ	Làm bằng nhựa PVC y tế. Có kẹp mũi loại điều chỉnh được Mặt nạ có dây đeo. Có các cỡ S-M-L-XL Có ống thở dài $\geq 2\text{m}$.	Cái	300

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
49	Que thử đường huyết	Nguyên tắc đo: Sử dụng men GDH-FAD chuyển đường glucose trong máu thành gluconolactone. - Phạm vi đo Glucose là 0.6 mmol/L - 33.3 mmol/L ($\pm 5\%$) - Các loại mẫu thử: máu mao mạch, máu động mạch, máu tĩnh mạch, máu trẻ sơ sinh. Các vùng xét nghiệm: Đầu ngón tay, lòng bàn tay, cẳng tay...	Test	2.750
50	Que lấy bệnh phẩm tế bào âm đạo	Que có dạng thanh đẹp, làm bằng gỗ thông đã trich nhựa, các góc cạnh trơn láng. Sản phẩm có mùi của tinh dầu thông tự nhiên. Kích thước 180x18x2mm ($\pm 5\%$)	Chiếc	2.500
51	Mỏ vệt nhựa	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, trơn láng, không chứa độc tố DEHP.	Chiếc	2.000
52	Lugol 3%	Dung dịch Lugol 3% dùng trong sản khoa.	ml	14.500
53	Axit acetic 3%	Dùng trong sản phụ khoa. Thành phần là Acid acetic có nồng độ 3%	ml	14.500
54	Bộ đo huyết áp động mạch IBP	- Bù áp suất lệch 0: ± 20 mmHg; - Dải áp suất hoạt động: -50 ~ 300 mmHg; - Độ nhạy: 4.95 ~ 5.05 uV/V/mmHg; - Bảo vệ quá áp: 400-6000 mmHg; - Bộ đầu đo được thiết kế dạng tháo lắp tích hợp kèm bộ xả 3cc. - ISO13485, EC	Bộ	224
55	Ampu bóp bóng các cỡ	Ampu bóp bóng giúp thở. Có các cỡ cho trẻ sơ sinh, trẻ em, người lớn. Cấu hình gồm có: • Mặt nạ thở • Bóng bóp bằng Silicon • Túi chứa khí Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	40

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
56	Khí CO2 lỏng bình 40 lít	Hàm lượng CO2 $\geq 99,0\%$. Mẫu khí nạp trong bình 40 lít ($\geq 25\text{kg}$)	Kg	675
57	Khí Oxy bình 8 lít	Hàm lượng oxy $\geq 99,5\%$. Mẫu khí nạp trong bình ≥ 8 lít	Bình	685
58	Oxy lỏng	Hàm lượng oxy $\geq 99,5\%$, chuyên dùng trong y tế. Mẫu khí nạp tại bồn chứa của Bệnh viện.	Kg	400.000
59	Bộ dây phễu chụp ngoài cổ tử cung	Sản phẩm làm từ nhựa PVC. Kích thước dài $\geq 30 - 40\text{cm}$, phễu rộng $22 - 30\text{mm}$ ($\pm 5\%$) hình trụ. Được tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	150
60	Túi đo lượng máu mất sau sinh	- Kích thước: $70 \times 105\text{ cm}$ ($\pm 5\%$). Có vạch chỉ thể tích đến $\geq 2000\text{ ml}$, tiệt trùng. Chất liệu: Màng nhựa PE trong.	Cái	5.300
61	Gọng mũi thở CPAP	- Vấu mềm và cong giúp giảm đau do áp lực - Đầu nối $\geq 15\text{mm}$ - Không chứa DEPH, BPA và Latex - Chống xoắn - Có 3 cỡ lựa chọn	Cái	70
62	Lam kính mài	Làm từ thủy tinh natri cacbonat, mài mờ. Kích thước khoảng $25,4 \times 76,2\text{mm}$ ($\pm 5\%$) Độ dày khoảng $1,0 - 1,2\text{ mm}$ ($\pm 5\%$)	Cái/ miếng/ chiếc	6.300
63	Viên nén khử khuẩn Prisep 2.5g	Thành phần tối thiểu gồm: Dichloroisocyanurate (Troclosen Sodium). Viên nén diệt khuẩn nhanh, phổ tác dụng rộng, có tác dụng với hầu hết các loại vi khuẩn sinh đường	Viên	1.800
64	Dây dẫn lưu màng phổi (Silicone)	Chất liệu: 100% silicon Tính năng: Đường ống cản quang suốt chiều dài chụp hình x-quang Có hai lỗ (hình tròn hoặc hình bầu dục) ở cuối	Cái	20

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		Kích thước: Fr 32 dài 48,5cm ($\pm 5\%$) có thể tùy chỉnh		
65	Đầu col vàng	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	Cái	9.000
66	Nhiệt kế thủy ngân	Nhiệt kế bằng thủy tinh, có cột thủy ngân, đầu đo tiếp nhiệt, Đựng trong hộp nhựa, có bộ phận cố định bảo vệ đầu đo tiếp nhiệt. Hiển thị nhiệt độ từ 35 độ C đến 42 độ C. Khoảng chia vạch 0,1 độ C.	Cái	170
67	Chạc 3 có dây nối	Khóa ba chạc dây nối dài 10cm, 25cm ($\pm 5\%$), chịu được áp suất lên tới 72 psi hoặc 5 bar có thể xoay 360 độ. Khóa ba chạc làm bằng chất liệu Polycarbonate, HDPE, PP. Dây nối làm bằng nhựa y tế PVC. Tiệt trùng bằng khí EO gas	Cái	150
68	Nhiệt ẩm kế	Chức năng: Đo nhiệt độ và độ ẩm Vạch chia: 20 độ C (nhiệt độ), 5% (độ ẩm) Khoảng đo: khoảng -20 - 40 độ C (nhiệt độ), khoảng 10% - 90% (độ ẩm)	Chiếc	7
69	Nhiệt kế để trong tủ lạnh	Nhiệt kế dùng cho tủ lạnh. - Thang đo nhiệt độ: -49.9 đến 69.9 °C - Độ phân giải: 0.1°C/°F - Độ chính xác: $\pm 1^\circ\text{C}$	Chiếc	9
70	Mặt nạ thanh quản dùng nhiều lần các cỡ	Có các cỡ dùng cho từ trẻ sơ sinh đến người lớn. Dùng được nhiều lần. Có lò xo bên trong; có 1 kênh phụ để thoát khí ợ hơi và hút dịch, có nắp bảo vệ bóng.	cái	5

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
71	Gạc phẫu thuật ổ bụng 10cm x 10cm x 12 lớp	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Kích thước: $\geq 10\text{cm} \times 10\text{cm} \times 12$ lớp. Đã tiệt trùng	Miếng	205.400
72	Gạc phẫu thuật tiệt trùng 30cm x 40cm x 6 lớp	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Kích thước: $\geq 30\text{cm} \times 40\text{cm} \times 6$ lớp. Đã tiệt trùng.	Miếng	28.500
73	Gạc thấm	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Kích thước khổ $\geq 80\text{cm} \times 20\text{m}$.	Mét	86.000
74	Khẩu trang Y tế	Khẩu trang gồm có 02 lớp ngoài: Vải không dệt được làm từ polypropylene. Lớp giữa: Vải lọc được làm từ polypropylene, không thấm nước.	Cái	96.050
75	Kim lấy thuốc các số	Các số: 18G; 20G. Kim được làm bằng thép không gỉ, sáng bóng, mũi kim cắt vát 3 cạnh, sắc nhọn. Đã tiệt trùng	Cái	404.700
76	Mũ phẫu thuật viên	Làm từ vải không dệt, Đã tiệt trùng	Cái	54.010
77	Chỉ tiêu tan nhanh số 2/0	Sợi chỉ số 2/0 dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2c, dài ≥ 36 mm. Kim thép phủ silicon. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng $\geq 80\text{gsm}$ (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả.	Sợi	1.600
78	Băng y tế vô trùng trong suốt 53*80cm	Lớp nền: polyurethane trong suốt. Lớp keo acrylic, trọng lượng kết dính $30 \pm 3\text{g/m}^2$. Mức thấm hơi nước $\geq 500\text{g/m}^2/24\text{h}$. Lực dính $\geq 1.0\text{N/cm}$. - Không thấm nước. Kích thước $\geq 53 \times 80\text{mm}$. - Đã tiệt trùng.	Miếng	920
79	Bông thấm y tế	Được sản xuất từ 100% bông sơ tự nhiên. Dùng trong y tế.	Kg	45
80	Kim tròn	Kim tròn, dùng để khâu vết thương.	Cái	1.245

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
81	Ống thổi hô hấp	Chất liệu bằng giấy, dùng để đo chức năng hô hấp.	Cái	200
82	Bao giấy	Chất liệu vải không dệt, không hút nước. Gồm 1 hoặc nhiều lớp. Đã tiệt trùng.	Cái	300
83	Nẹp xương	Các cỡ 6 lỗ, 8 lỗ, bản hẹp, bản rộng, nẹp chữ T, Dày khoảng 2,5mm đến 5,0mm; rộng khoảng 12,0mm đến 16mm. Chất liệu thép không gỉ.	Chiếc	10
84	Vít xương	Vít xương cứng 3.5-4mm, đường kính ren 1.75 dài 20-50mm	Chiếc	60
85	Mặt nạ gây mê các cỡ	Làm bằng nhựa y tế không Latex, có 1 vành để bơm khí đảm bảo kín khí, vòng màu giúp phân biệt các cỡ. Đầu nối 15/22mm. Có 7 cỡ.	Chiếc	50
86	Chổi rửa dụng cụ mô nội soi	Đường kính chổi ≥ 16 mm, dài ≥ 55 cm.	Cái	20
87	Đoạn dây thở nối dài	Sản phẩm được làm bằng silicone cao cấp, có thể hấp sấy tái sử dụng nhiều lần	Chiếc	20
88	Giấy in dùng cho Monitor sản khoa BFM-900	Giấy in nhiệt có kích thước ≥ 112 mm*30mm	Cuộn	60
89	Ống hút 1 van số 5 (Ipas)	Ống hút kích cỡ 4,5,6 mm đã được tiệt khuẩn	Cái	60
90	Bơm karman 50ml	Loại một van được thiết kế để sử dụng với ống thông Karman linh hoạt, kích thước 4mm-6mm.	Cái	12
91	Nước cất vô khuẩn	Nước cất 2 lần, được trung cất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn ISO 13484.	Lít	1.400

Phụ lục 02
BIỂU MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn: 215/BVSN-VTTBYT ngày 18 tháng 02 năm 2025)

CÔNG TY:

Số giấy đăng ký kinh doanh:Ngày cấp:Nơi cấp:

Mã số thuế:Điện thoại.....Email:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Người liên hệ:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Bắc Ninh

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Đặc trưng thông số kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá trước VAT	VAT (%)	Đơn giá sau VAT	Thành tiền	Mã HS
1														
2														
...														

Giá trên đã bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) và toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu... Bên Bệnh viện không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào.

Báo giá có hiệu lực trong vòng 90 ngày kể từ ngày báo giá.

Chất lượng hàng hóa mới 100%

Hàng hóa giao tại đơn vị sử dụng

..., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN CÔNG TY